

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 15/8/2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lê Dung và Ông Phạm Ngọc Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Bạch L** – sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông **Trần Danh T** – sinh năm 1958; Địa chỉ: A đường P, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Thành S** – sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Danh T trình bày:

Từ tháng 9/2019 đến tháng 02/2020, anh S có mượn chị L tổng số tiền 247.200.000đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Đến hạn trả nợ anh S không trả số tiền trên cho chị L nên chị L khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Thành S phải trả toàn bộ số tiền đã vay của chị L. Theo 05 giấy mượn tiền mà anh Huỳnh Thành S viết mượn nợ của chị Trương Thị Bạch L, có giấy mượn tiền anh Huỳnh Thành S viết ngày 21/02/2020 số tiền bằng số 72.200.000đ. Bằng chữ: Bảy hai triệu đồng. Tại đơn khởi kiện chị L yêu cầu 72.200.000đ nhưng tại các phiên

hòa giải và tại phiên tòa này chị L yêu cầu số tiền ghi bằng chữ bảy mươi hai triệu đồng. Vậy đề nghị Tòa án buộc anh S phải trả cho chị L số tiền 247.000.000đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Chị L không yêu cầu tính lãi suất.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Bị đơn anh Huỳnh Thành S, trình bày: Anh thừa nhận có mượn số tiền 247.000.000đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) của chị Trương Thị Bạch L và thừa nhận chữ ký trong 05 giấy mượn tiền là do anh ký và viết tên. Tuy nhiên trong 05 giấy mượn tiền chị L cung cấp có: Giấy mượn tiền của anh Huỳnh Thành S viết ngày 14/11/2019 số tiền 30.000.000đ. Giấy mượn tiền ngày 13/9/2019 số tiền 20.000.000đ. Giấy mượn tiền viết ngày 21/02/2020 số tiền bằng số 72.200.000đ, bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng là anh đã trả nợ cho chị L nhưng chị L không viết biên nhận cho anh. Còn Giấy mượn tiền ngày 24/01/2020 số tiền 50.000.000đ, anh viết giấy mượn nhưng chị L không đưa tiền cho anh. Việc mượn tiền chỉ có anh và chị L, không có người chứng kiến. Như vậy, anh còn nợ của chị L 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Đề nghị Tòa án xem xét. Bản thân anh là lao động tự do, thu nhập không ổn định, đề nghị Tòa án xem xét cho anh được trả dần cho chị L mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị Bạch L khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Thành S trả tiền vay tài sản. Các đương sự đều có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay 247.000.000đ. Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa chị L và anh S có hợp đồng vay tài sản là giấy viết tay. Chị L khởi kiện yêu cầu anh S trả nợ vay 247.000.000đ. Anh S thừa nhận chữ viết, chữ ký trên 05 Giấy mượn nợ là của anh. Thời gian trả của các Giấy mượn tiền đến hạn là tháng 02/2020, tháng 3/2020, tháng 4/2020 và tháng 7/2020 và có Giấy không thể hiện

thời gian trả nợ. Số tiền mượn tổng cộng 247.000.000đ. Đến hạn nhưng anh S không trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi của chị L. Vì vậy chị L khởi kiện là có căn cứ.

Quá trình hòa giải anh S có đề nghị Tòa án xem xét đối với các giấy mượn tiền, anh có trả dần, hiện còn nợ 75.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy: anh S có năng lực hành vi dân sự, tự làm chủ được hành vi của mình. Anh trình bày đã trả tiền dần cho chị L nhưng không có biên nhận hay chứng cứ nào thể hiện anh có trả dần khoản nợ nào cho chị L. Quá trình giao dịch giữa anh S và chị L không có người làm chứng nên không có cơ sở xem xét. Chị L và anh S có yêu cầu đối lập nhau, không có người làm chứng. Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ anh S có mượn nợ của chị L nên không cần thiết phải tiến hành đối chất. Qua các lần hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị L không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh S phải có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền đã mượn 247.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

* Về án phí: chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $247.000.000đ \times 5\% = 12.350.000đ$ (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bạch L đối với bị đơn anh Huỳnh Thành S. Buộc anh Huỳnh Thành S có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trương Thị Bạch L số tiền **247.000.000đ** (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

Về án phí:

Hoàn lại cho chị Trương Thị Bạch L **6.175.000đ** (*Sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003747 ngày 16/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Anh Huỳnh Thành S phải chịu **12.350.000đ** (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn

phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1)
- VKSND h. Tuy An (2)
- THADS h. A (1)
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương